TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2024/DS-ST
Ngày: 06/9/2024
"Về tranh chấp hợp đồng dân sự vay có cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải

Ông Bùi Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Kim Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 05/9 và 06/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2024/TLST-DS ngày 20/6/2024, về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay có cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2024/QĐXXST-DS ngày 16/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2024/QĐST-DS ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Trụ sở chính: số 1, đường N, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông K N - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thanh L, sinh năm 1990; Chức vụ: Quản lý phân khu.

Địa chỉ chi nhánh: Số 3, đường 4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Bé B, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp N, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần S, ủy quyền cho bà Trần Thanh L trình bày:

Ngày 26/9/2020, bà Phạm Thị Bé B có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S - Chi nhánh Cao Lãnh theo Hợp đồng cầm cố số CLM200901037NA20X. Hiện nay công ty đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần S vào ngày 26/9/2023

theo Quyết định số 103/QĐ-HĐQT về việc chuyển nhượng vốn góp và chuyển đổi loại hình công ty (sau đây gọi tắt là "Công ty"); Tài sản cầm cố như sau: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu: HONDA WAVE, Biển số xe: 66F1-849.66. Giấy chứng nhận đăng ký số: 077003 do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21/9/2020.

- Số tiền cầm cố: 14.700.000 đồng; Thời hạn cầm cố: 18 tháng; Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 26/9/2020; Lãi suất cầm cố: 1,1%/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản: 4%/tháng.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 26/9/2020, bà Phạm Thị Bé B đã có đơn gửi Công ty xin mượn lại chiếc xe trên để phục vụ đi lại thời hạn 01 tháng nhưng bà Bé B chưa trả xe. Hiện nay công ty không giữ xe, chỉ còn giữ giấy chứng nhận đăng ký xe của bà Bé B.

Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền là: 14.700.000 đồng vào ngày 26/9/2020. Bà Bé B chưa trả được số tiền nào cho Công ty.

Tạm tính đến ngày 05/9/2024, bà Bé B còn nợ Công ty: Tiền gốc: 14.700.000 đồng. Tiền lãi trong hạn: 2.942.940 đồng. Tiền lãi quá hạn: 7.219.905 đồng, Phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản: 10.701.600 đồng (tại phiên hòa giải công ty yêu cầu tiền phí là 27.067.600, tại phiên tòa thì thống nhất tính lại số tiền này là 10.701.600 đồng). Tổng số tiền thanh toán là 35.564.445 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đối với tài sản là xe máy mà bà Bé B đã cầm cố cho Công ty, hiện Công ty đã cho bà Bé B mượn lại; chỉ yêu cầu bà Bé B trả tiền vốn là 14.700.000 đồng. Tiền lãi trong hạn: 2.942.940 đồng. Tiền lãi quá hạn: 7.219.905 đồng. Tổng cộng: 24.862.845 đồng.

Ngoài ra bà Bé B còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Khi bà Bé B trả tiền xong, Công ty thống nhất trả lại giấy đăng ký xe cho bà Bé B.

* Bị đơn bà Phạm Thị Bé B vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay theo hình thức cầm cố tài sản, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"tranh chấp về Hợp đồng vay có cầm cố tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều Điều 309; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do hợp đồng thỏa thuận Tòa án nơi hợp đồng được ký kết là tại chi nhánh của Công ty tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bị đơn bà Phạm Thị Bé B không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Đối với nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, xin vắng mặt khi tuyên án, Hội đồng xét xử tuyên án theo quy định tại Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét hợp đồng cầm cố: CLM200901037NA20X ký ngày 26/9/2020 giữa Công ty và bà Bé B để bà Bé B vay số tiền 14.700.000 đồng, được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên đây là hợp đồng hợp pháp, phù hợp với quy định với Điều 309, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bé B không thực hiện trả tiền gốc, lãi đầy đủ cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu bà Bé B có nghĩa vụ trả số tiền vốn còn thiếu là 14.700.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi, mức lãi suất trong hạn 1,1%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 1,65%/tháng, tính từ sau ngày kết thúc hợp đồng. Cụ thể tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2024, tiền lãi trong hạn còn thiếu: 2.942.940 đồng. Tiền lãi quá hạn: 7.219.905 đồng. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Yêu cầu này của Công ty là phù hợp, nên bà Bé B phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn thiếu cho Công ty.

[2.3] Đối với bà Bé B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Bà không có văn bản ý kiến, không đến Tòa để trình bày và yêu cầu về nội dung giải quyết việc vay tiền và cầm cố như thế nào, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định được số tiền bà Bé B đã trả cụ thể và các nội dung khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu của nguyên đơn, quy định của pháp luật, buộc bà Bé B trả tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024 theo yêu cầu của Công ty là: tiền vốn gốc: 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.942.940 đồng. Tiền lãi quá hạn: 7.219.905 đồng. Tổng cộng: 24.862.845 đồng. Bà Bé B còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn là 1,65%/tháng, kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.4] Đối với yêu cầu của Công ty xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của Công ty là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu bà Bé B trả tiền quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản.

[2.5] Đối với việc xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe máy, đã cho bị đơn mượn lại để sử dụng; Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày Công ty không có yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Bé B trả số tiền còn thiếu như trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà Bé B phải trả cho Công ty số tiền 24.862.845 đồng nên phải chịu án phí là 24.862.845 đồng x 5% = 1.243.000 đồng (làm tròn số).

Công ty không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 311, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Điều 4, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";* Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu bà Phạm Thị Bé B trả tiền vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn còn thiếu.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu bà Phạm Thị Bé B trả tiền Phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản.

3/ Buộc bà Phạm Thị Bé B trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tổng cộng 24.862.845 đồng (trong đó, tiền vốn gốc 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.942.940 đồng. Tiền lãi quá hạn: 7.219.905 đồng).

Bà Phạm Thị Bé B còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn là 1,65%/tháng, kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

4/ Về xử lý tài sản cầm cố, cho mượn: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

5/ Về án phí: Bà Phạm Thị Bé B phải chịu 1.243.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.166.000 đồng theo biên lai thu số 0001089 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng